

Số: **414** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày **08** tháng **11** năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định “Giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (UBND Thành phố) đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định “Giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý xây dựng Nghị quyết

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật Giá ngày 20/6/2012;

Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Thông tư số 25/2014/NĐ-CP ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hành hóa, dịch vụ;

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động thương binh và xã hội của thành phố Hà Nội.

Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (Đợt 01).

Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (Đợt 02).

2. Các văn bản quy định hiện hành

- Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: *“Đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp là dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước”*.

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên:

Tại khoản 3 Điều 3, quy định: *“Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước là dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí trong giá, phí, được ngân sách nhà nước hỗ trợ”*.

Tại điểm b khoản 1 Điều 4, quy định: *“Kinh phí thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của địa phương từ nguồn ngân sách địa phương”*.

Tại khoản 2 Điều 7, quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc”*.

Tại khoản 3 Điều 8, quy định: *“Giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành”*.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập:

Tại khoản 1 Điều 4, quy định: *“Ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế Cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao*

nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Việc bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và lộ trình điều chỉnh tính đủ các chi phí hình thành giá dịch vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.

Tại khoản 4 Điều 5, quy định: “Căn cứ quy định pháp luật về giá và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và mặt bằng giá thị trường, tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá dịch vụ sự nghiệp công theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành”.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

Tại Điều 27, quy định:

“1. Đối với dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Đơn giá tối đa thực hiện đặt hàng dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp xác định bằng mức trần giá dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này, Điều 28, Điều 29, Điều 30 của Nghị định này. Đối với các quy định về điều kiện, quy trình, thủ tục, phương thức, thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mức trần của giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp thực hiện đặt hàng ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao hoặc yêu cầu đặc biệt về chất lượng đào tạo do bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, nhu cầu đào tạo và tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo”.

3. Thực tế việc triển khai công tác đào tạo nghề trình độ sơ cấp trên địa bàn Thành phố hiện nay

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn được Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố quan tâm chỉ đạo, cụ thể hóa vào các chiến lược 5 năm và hàng năm của địa phương. Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII, Đảng bộ thành phố Hà

Nội, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định “đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao” là một trong những khâu đột phá. Thành phố hiện có 311 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (gọi chung là cơ sở GDNN), gồm 67 trường cao đẳng, 58 trường trung cấp, 37 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 18 Trung tâm GDNN – GDTX và 131 doanh nghiệp, các loại hình khác. Trong những năm qua, kết quả tuyển sinh, đào tạo và tốt nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên tục tăng lên¹; Bình quân mỗi năm có khoảng 196.550 lượt người được qua đào tạo nghề, góp phần quan trọng nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của Thành phố tăng từ 46,2% năm 2013 lên 72,23% năm 2022 (tăng 26,03%), trong đó tỷ lệ lao động qua đào có bằng cấp chứng chỉ tăng từ 36,5% năm 2013 lên 52,5% năm 2022 (tăng 16%). Chất lượng giáo dục nghề nghiệp Thủ đô đã có những bước phát triển mạnh, khẳng định được chất lượng giáo dục nghề nghiệp Thủ đô với cả nước, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực cho thị trường lao động. Theo thống kê, điều tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được thực hiện thường niên hàng năm về “Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh – PCI”, trong đó có chỉ số thành phần là “Chỉ số đào tạo lao động” được các doanh nghiệp đánh giá cao.

Bên cạnh việc triển khai công tác đào tạo nghề theo quy định để cung ứng nguồn lao động qua đào tạo cho thị trường lao động Thủ đô, trong những năm qua, thành phố Hà Nội luôn quan tâm đến việc triển khai các chính sách đào tạo nghề cho người lao động là đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trên địa bàn Thành phố, được cụ thể hóa qua các chính sách hỗ trợ như: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Đào tạo nghề cho người khuyết tật theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 và Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 10/10/2013 của UBND Thành phố về trợ giúp người khuyết tật thành phố Hà Nội giai đoạn 2013 – 2020; Đào tạo nghề cho Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo Thông tư 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Đào tạo nghề cho lao động mất đất theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND Thành phố về việc hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động

(¹) Kết quả tuyển sinh đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố liên tục tăng lên, từ 176.086 lượt người năm 2013 lên 252.286 lượt người năm 2023 (tăng 43,27% trên cả giai đoạn). Giai đoạn 2013-2022, các đơn vị có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố thực hiện tuyển sinh đào tạo đạt 1.965.495 lượt người. Trong đó: trình độ cao đẳng: 204.359 người, trình độ trung cấp: 216.713 người; trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng: 1.544.423 người.

Trong 10 tháng đầu năm 2023, các cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố tuyển sinh đạt 220.800 người (chia theo trình độ: cao đẳng 28.700 người; trung cấp 24.290 người; sơ cấp và dưới 3 tháng 167.810 người), đạt 96% kế hoạch tuyển sinh năm 2023, tăng 2,91% so với cùng kỳ năm 2022.

bị thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021 ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc triển khai công tác đào tạo nghề cho người lao động được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định trên địa bàn Thành phố trong những năm qua thể hiện chủ trương lớn, tính ưu việt và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đến những đối tượng cần được hỗ trợ đào tạo nghề; Có ý nghĩa thiết thực với tình hình phát triển kinh tế xã hội, góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn; Tạo điều kiện cho lao động nông thôn, những hộ nông dân mất đất sản xuất, người khuyết tật, Thanh niên, người lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa có điều kiện chuyển đổi nghề mới, nâng cao tay nghề, tăng thu nhập đảm bảo đời sống, góp phần vào công tác an sinh xã hội của Thành phố.

Ngay sau khi kết thúc Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án trợ giúp người khuyết tật năm 2020; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu UBND Thành phố ban hành danh mục các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2022 - 2025² (đối với 78 nghề). Trên cơ sở đó, tham mưu UBND Thành phố ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố (Đợt 1 và Đợt 2)³ đối với 30 nghề.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương; các văn bản quy định hiện hành, trong đó xác định: *“Đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp là dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước”*.

Để tiếp tục triển khai đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp theo quy định hiện hành, việc xây dựng giá dịch vụ đào tạo trên cơ sở Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật các nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp do UBND Thành phố ban hành có vai trò quan trọng, góp phần triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trên địa bàn Thành phố theo các quy định hiện hành.

2.3. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Theo đó:

⁽²⁾ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND Thành phố phê duyệt danh mục các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2022 - 2025

⁽³⁾ Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND Thành phố ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố (Đợt 1) đối với 20 nghề; Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND Thành phố ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố (Đợt 2) đối với 10 nghề.

“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc”.

“Giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành”.

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *“Ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế Cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố Nghị quyết “Quy định giá dịch vụ đào tạo 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội” là cần thiết và đảm bảo đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết này quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, áp dụng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật; Làm căn cứ để chuyển từ cơ chế hỗ trợ theo hình thức cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ; Làm cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.
- Làm căn cứ để chuyển từ cơ chế hỗ trợ theo hình thức cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ; Làm cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng.
- Phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của Thành phố; Hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập ổn định cuộc sống cho người lao động thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp; Góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội của Thành phố.
- Nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách.
- Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, không trùng lặp, không tác động xấu đến kinh tế - xã hội, không tăng thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống dân sinh.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết quy định “Giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội” gồm 3 điều.

Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giá dịch vụ đào tạo 30 nghề trình độ sơ cấp, nguồn kinh phí thực hiện, thời gian thực hiện.

Điều 2 quy định tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

(1) Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(2) Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của thành phố Hà Nội; Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên.

(3) Giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (*quy định cụ thể tại phụ lục kèm theo*).

(4) Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

(5) Thời gian thực hiện: Từ năm 2024.

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

1. Nội dung chính sách

Quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đề xuất của UBND Thành phố

UBND Thành phố đề xuất ban hành quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 2 Điều 27, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Chính sách, biện pháp nhằm đảm bảo thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến kinh phí

Việc triển khai đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho người lao động trên địa bàn Thành phố áp dụng theo giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp sử dụng ngân sách nhà nước của Thành phố và ngân sách quận, huyện, thị xã đảm



bảo, được cân đối trong dự toán giao ngân sách hàng năm cho các quận, huyện, thị xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Đối với Lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội (gọi tắt là Thanh niên), ngân sách Thành phố bố trí trong dự toán hàng năm, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, đặt hàng cung cấp dịch vụ hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác

3. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

- Ngân sách Thành phố, ngân sách quận, huyện, thị xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác đảm bảo đáp ứng đủ kinh phí để thực hiện Nghị quyết.

- Thành phố và các quận, huyện, thị xã có thể triển khai, thực hiện ngay sau khi Nghị quyết được ban hành.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết dự kiến trình Hội đồng nhân dân Thành phố vào kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ 14.

VII. UBND THÀNH PHỐ ĐỀ XÉT THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- Đồng ý về chủ trương xây dựng Nghị quyết quy định “Giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”

- Giao UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua; chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXX, KTNS, PC HĐND TP;
- Các Sở: LĐTB&XH, TC, TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Phòng KGVX, KT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (Ngọc).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thu Hà

**PHỤ LỤC: GIÁ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO 30 NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP
ÁP DỤNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NHIỀ NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

TT	Tên nghề	Giá dịch vụ (Đồng/người/ngành/khóa học)
I	Nhóm nghề phi nông nghiệp	
1	Mộc dân dụng	6.220.000
2	Mộc mỹ nghệ	5.755.000
3	Kỹ thuật sơn mài	9.828.000
4	Kỹ thuật khảm trai	8.870.000
5	Sản xuất hàng mây tre, giang đan	6.910.000
6	Hàn điện	9.375.000
7	Điện dân dụng	7.545.000
8	Sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí	10.950.000
9	Pha chế đồ uống	6.635.000
10	May công nghiệp	5.890.000
11	Xây trát dân dụng	6.920.000
12	Sửa chữa điện thoại di động	5.960.000
13	Lắp đặt điện nội thất	7.290.000
14	Thiết kế tạo mẫu tóc	16.950.000
15	Sửa chữa xe gắn máy	5.860.000
16	Sửa chữa máy tính phần cứng	5.965.000
17	Lái xe ô tô B2	15.590.000
II	Nhóm nghề nông nghiệp	
18	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh	7.240.000
19	Trồng đào, quất cảnh	7.370.000

20	Trồng rau hữu cơ, trồng rau an toàn	7.000.000
21	Chăn nuôi thú y	6.115.000
22	Trồng lúa chất lượng cao	4.870.000
23	Trồng cây ăn quả	5.100.000
24	Kỹ thuật chăn nuôi lợn	5.470.000
25	Kỹ thuật trồng hoa	8.150.000
26	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm	5.300.000
27	Kỹ thuật chăn nuôi cá thương phẩm, nước ngọt	6.580.000
28	Nuôi trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu	7.930.000
29	Chế biến rau quả	6.995.000
30	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản hoa màu	6.210.000

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp
áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của
Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước
năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc
hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí
học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Thông tư số 25/2014/NĐ-CP ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định
phương pháp định giá chung đối với hành hóa, dịch vụ;*

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động thương binh và xã hội của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (Đợt 01);

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2023 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo các nghề trình độ sơ cấp tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (Đợt 02);

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết “Quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra số/BC-VHXX ngày tháng năm của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nghị quyết quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của thành phố Hà Nội; Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên.

3. Giá dịch vụ đào tạo đối với 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (quy định cụ thể tại phụ lục kèm theo).

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

5. Thời gian thực hiện: từ năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trong thời gian thực hiện Nghị quyết, trường hợp Trung ương có văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn tới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh theo quy định.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngàytháng năm, có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Công GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**PHỤ LỤC: GIÁ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO 30 NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP
ÁP DỤNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

TT	Tên nghề	Giá dịch vụ (Đồng/người/ngành/khóa học)
I	Nhóm nghề phi nông nghiệp	
1	Mộc dân dụng	6.220.000
2	Mộc mỹ nghệ	5.755.000
3	Kỹ thuật sơn mài	9.828.000
4	Kỹ thuật khảm trai	8.870.000
5	Sản xuất hàng mây tre, giang đan	6.910.000
6	Hàn điện	9.375.000
7	Điện dân dụng	7.545.000
8	Sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí	10.950.000
9	Pha chế đồ uống	6.635.000
10	May công nghiệp	5.890.000
11	Xây trát dân dụng	6.920.000
12	Sửa chữa điện thoại di động	5.960.000
13	Lắp đặt điện nội thất	7.290.000
14	Thiết kế tạo mẫu tóc	16.950.000
15	Sửa chữa xe gắn máy	5.860.000
16	Sửa chữa máy tính phần cứng	5.965.000
17	Lái xe ô tô B2	15.590.000
II	Nhóm nghề nông nghiệp	
18	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh	7.240.000
19	Trồng đào, quất cảnh	7.370.000

20	Trồng rau hữu cơ, trồng rau an toàn	7.000.000
21	Chăn nuôi thú y	6.115.000
22	Trồng lúa chất lượng cao	4.870.000
23	Trồng cây ăn quả	5.100.000
24	Kỹ thuật chăn nuôi lợn	5.470.000
25	Kỹ thuật trồng hoa	8.150.000
26	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm	5.300.000
27	Kỹ thuật chăn nuôi cá thương phẩm, nước ngọt	6.580.000
28	Nuôi trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu	7.930.000
29	Chế biến rau quả	6.995.000
30	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản hoa màu	6.210.000